PHƯƠNG TIỆN CẦU SIÊU.

(phương tiện là phương pháp dùng tạm thời)

ĐẠI BI PHƯƠNG TIỆN: CẦU SIÊU BẰNG ĐÀ-LA-NI VÀ CHÂN NGÔN – MỘT PHƯƠNG TIỆN ĐẠI THỪA TRONG KINH ĐIỂN.

Phương tiện cầu siêu.

Trong Phật giáo Đại thừa, "phương tiện" là cách nói và cách ứng dụng của các bậc hoằng pháp, tùy theo căn cơ và hoàn cảnh của chúng sinh mà khai triển.

Về đại thể, pháp môn được phân thành hai loại:

1. Pháp cứu cánh
2. Pháp phương tiện

Đây là cách phân biệt vốn có trong tư tưởng Phật giáo Ấn Độ, nhằm làm rõ đâu là con đường tu tập rốt ráo, đâu là phương pháp tạm thời dùng để trợ duyên cứu độ.
Đối với người chuyên tu Tịnh Độ, việc hành trì cốt ở chuyên nhất niệm Phật hiệu, lấy tín–nguyện–hạnh làm gốc.

Ngoài ra, các phương pháp khác không nên áp dụng vào pháp tu hằng ngày, vì dễ làm phân tán tâm niệm, khiến không còn tha thiết nhớ Phật.

Các pháp Đà-la-ni và Chân ngôn được nêu trong bài này chỉ nên xem là phương tiện cầu siêu, dùng trong trường hợp có người cần được trợ giúp, nhằm kết duyên lành và trợ lực cho vong linh.

Vì vậy, chớ nên lầm phương tiện làm pháp tu chính, cũng không nên đem các pháp phương tiện ấy áp dụng lẫn vào con đường tu tập chính của mình, khiến xa rời mục đích ban đầu.

Các Đà-la-ni ở đây chỉ là phương tiện tạm thời, được thiết lập với tâm đại bi, nhằm giúp đỡ chúng sinh trong những hoàn cảnh cần thiết.

Ba kinh Vô Lượng Thọ, A Di Đà và Quán Vô Lượng Thọ là lời Phật trực tiếp tuyên thuyết, thuộc ngôn ngữ cứu cánh, dùng làm căn bản cho pháp môn Tịnh Độ.

Các pháp Đà-la-ni và Chân ngôn thì khác. Phần nhiều là do chư Thánh Tổ, sau

khi nhập định, nương nơi sở chứng mà lưu xuất, không phải là ngôn ngữ trực tiếp của Phật như ba kinh gốc nói trên.

Vì vậy, Đà-la-ni chỉ nên được sử dụng như phương tiện, nhằm trợ duyên cầu siêu hoặc giúp đỡ khi cần thiết; không nên đem xem là pháp tự tu hay áp dụng lẫn vào đường tu chính, để tránh xa rời mục đích ban đầu.

Nếu không phân biệt rõ nguồn gốc này mà lầm phương tiện cho là pháp tự cứu cánh , rồi từ đó sinh nghi về sự linh ứng, thì lỗi ở chỗ dụng pháp không đúng.
.

Ba kinh gốc, Phật tự tuyên ngôn,
Cứu cánh ngôn từ, Tịnh Độ làm tông.
Chuyên tu niệm Phật, tâm không tán,
Tín–nguyện–hạnh đủ, thẳng Tây phương.

Đà-la-ni, chú từ định xuất,
Thánh Tổ nhập sâu, chứng lực lưu thông.
Không phải pháp tu làm căn bản,
Chỉ là phương tiện cứu u hồn.

Dùng đúng chỗ thời được lợi ích.
Lầm phương tiện là cứu cánh dễ sinh nghi ngờ.
Lỗi do người dụng chưa thông đạt,
Chẳng phải pháp kia kém nhiệm mầu.

Đại bi mở lối khi cần thiết,
Giúp kẻ lạc loài thoát khổ đau.
Phương tiện biết dùng cho đúng chỗ,
Chánh đạo an nhiên, nguyện ban đầu

Nam mô A Di Đà Phật.

CÂU CHUYỆN CẬN ĐẠI.

Kinh Đà la-ni Bảo Khiếp Ấn giúp siêu độ vong linh
Trương Nguyên Kỳ

Khoảng vào năm 1996, vợ chồng người anh rể lớn của tôi vì đứa con gái hơn

hai tuổi của họ mỗi đêm đều khóc lóc không ngừng mà vô cùng khổ não. Hai vợ chồng bèn hỏi một bà chị quen biết, người chuyên phụng thờ Ma Tổ và có khả năng thông linh.

Sau khi xem xét, bà ta nói rằng đó là do người mẹ đời trước của đứa bé, đã hơn một trăm năm vẫn chưa được đầu thai, nay cuối cùng tìm được con mình nên mỗi đêm đều đến thăm, khiến đứa trẻ khóc lóc không yên.

Vị chị ấy chỉ dẫn rằng trong họ hàng của họ có một người tin Phật, người này có thể giúp giải quyết vấn đề này. Vì vậy, hai vợ chồng tìm đến tôi nhờ giúp đỡ. Ban đầu tôi thật sự như hòa thượng đứng trước trượng hai mà vẫn không biết làm sao (hoàn toàn mù mờ).

Sau đó tôi tĩnh tâm lại, đến nơi ở của chị thầy đồng, thỉnh mời người mẹ đời trước của bé gái ra, nhờ bà chị thầy đồng thay tôi chuyển lời:
“Đời người là biển khổ, xin đừng lưu luyến mãi.
Đứa trẻ trong đời này đã có cha mẹ yêu thương chăm sóc,
xin hãy an tâm.”

Đồng thời hẹn vào 11 giờ đêm hôm đó, tại Phật đường trong nhà, tôi sẽ trì tụng Kinh Đà-la-ni Nhất Thiết Như Lai bảy biến, hồi hướng cho bà được vãng sinh Tịnh độ.

Kết quả là ngay trong đêm đó, bé gái không còn khóc lóc nữa. Sau đó tôi lại đến hỏi chị thầy đồng, bà nói rằng vong linh ấy đã cưỡi hoa sen mà đi, đồng thời còn nói trong nhà có một luồng ánh sáng thẳng xông lên cõi trời, rồi hỏi tôi đang phụng thờ vật gì mà lại có điềm lành cát tường như vậy.
Tôi trả lời rằng đó là Tháp Ấn Bảo Khiếp của Nhất Thiết Như Lai.

Việc này khiến tôi cảm nhận sâu sắc rằng Kinh Đà-la-ni thật sự không thể nghĩ bàn. Những điều kinh nói quả thật đều có thể mang lại cát tường và lợi ích ngay trong đời sống cho Phật tử tại gia.

Đại Chánh Tạng số 1022b:

Nếu có người ác khi chết bị rơi vào Địa Ngục (Naraka), chịu khổ không có gián đoạn, không có kỳ hạn thoát ra... mà có con cháu của người ấy xưng tên của người đã chết, tụng Thần Chú bên trên, vừa mới đến bảy biến thời biển đồng sắt nóng đột nhiên biến làm cái ao có tám Công Đức, hoa sen sinh ra nâng đỡ bàn chân, lọng báu trụ trên đỉnh đầu, phá cửa Địa Ngục, mở lối Bồ Đề. Hoa sen ấy như bay đến cõi Cực Lạc, tự nhiên hiển phát Nhất Thiết Chủng Trí (Sarvathā-jñāna), vui nói không cùng, địa vị tại Bổ Xứ (vị Bồ Tát kế thừa Đức Phật trước mình để thành Phật).

Lão cư sĩ Lưu Tịnh Mật ở vùng Tây Tứ Xuyên
(vào mùa xuân năm Dân Quốc thứ 23 - 1934, xuất gia tại Tây Khang, pháp danh Huệ Định),
tu tập song song Tịnh độ và Mật tông.
Do tinh cần hành trì, ông đã có chỗ chứng ngộ, và từng thấy Đức Phật A Di Đà trong lúc nhập định.
Cư sĩ Lưu Tịnh Mật
(trích từ "Phật học Bán nguyệt san", quyển 5 số 2, và "Ứng dụng Duy Thức học – Quyết định sinh Tịnh độ luận)
đã nói:
Kinh dạy rằng:
Nếu có chúng sinh tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn trọng tội, tội lỗi nhiều như vi trần, đầy khắp thế giới này; khi thân hoại mạng chung, liền đọa vào các ác thú.

Nếu tụng chân ngôn này, gia trì đất cát đủ một trăm lẻ tám biến,
rồi rải lên thi thể người chết, hoặc xương cốt,hoặc trên mộ phần, thì người đã mất ấy,
nếu đang ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la v.v., nhờ thần thông oai lực của chân ngôn này,
cùng sức gia trì của đất cát, ngay lúc ấy liền được ánh sáng và thân mới, tiêu trừ mọi quả báo tội lỗi, vãng sinh về cõi Tây phương Cực Lạc, hóa sinh trong hoa sen, không còn đọa lạc nữa, cho đến khi thành Phật.

Chiếu theo lời trên mà nói, chỉ cần người trì minh phát tâm,
dù chỉ làm một nửa công việc này, cũng có thể khiến chúng sinh trong mười ác đạo
cùng sinh về Tây phương.

Pháp này huyền diệu thù thắng, còn vượt hơn pháp môn Tịnh độ,
vốn phải nhờ đủ "Tín – Nguyện – Hạnh"mới được sinh về Tây phương.

Vì quá thù thắng nên lại càng khó khiến người đời tin nhận.
Gần đây, tôi có một sự việc có thể chứng minh lời Phật nói không hư dối,
xin ghi lại sơ lược như sau.

Bởi vì đây chính là lời Phật nói. Công đức và lợi ích của Đại Quang Minh Chân Ngôn này
là do chính đức Phật thân khẩu tuyên thuyết, được ghi trong Đại Tạng Kinh, thuộc Mật tạng.

Ông kể:
Vào tháng 9 năm Quý Dậu, tại huyện Tư Trung, vùng Tây Xuyên,
có một người bạn cũ tên Quách Quý Lương, cùng nhiều người khác,
đến thỉnh tôi giảng Kinh A Di Đà tại Tư Trung.

Lúc ấy, tại địa phương có một thương nhân họ Kiều, vừa nghe nói tôi sẽ thỉnh giảng Kinh A Di Đà,
liền vô cùng hoan hỷ, tán thán.

Nhưng vì lúc đó, tôi đi giảng pháp đã nhận lời thỉnh của bạn khác trước,
nên trễ một tuần mới đến Tư Trung giảng kinh.

Trong bảy ngày ấy, vị thương nhân họ Kiều đã qua đời.
Khi nghe tin này, tôi vô cùng thương xót,
liền nghĩ rằng:
“Nếu tôi không giúp ông ấy được sinh về Tây phương Cực Lạc,
thì không đủ để báo đáp ân đức ông đã hoan hỷ tán thán việc tôi giảng Kinh A Di Đà.”

Vì vậy, tôi liền gia trì chân ngôn này cho ông. Do không có cát sông sạch, tôi bèn giã nhỏ gạo
(lưu ý: không dùng máy xay, xay quá mịn cũng không được,
chỉ là đập – giã – làm vỡ hạt gạo).

Tôi tụng chân ngôn đủ 108 biến, gia trì lên số gạo ấy, rồi rải lên mộ phần của ông.

Trong lúc đó, có những người khác nghe chuyện, cũng đến xin gạo đã được gia trì.

Khi ấy, người thỉnh tôi giảng kinh là Quách Quý Lương, có một người cháu gái,
đã gả cho một người họ Đường (chồng họ Đường), người chồng này là người đỗ khoa cử,
nhưng mất sớm.

Người cháu gái ấy cũng đến xin tôi một ít gạo giã nhỏ, đem rải lên mộ của chồng mình.

Ngay sau đó, cô ta lại gặp một người tin phái Dao Trì, trong Phật đường của họ có người đang "hạ âm” (xuống cõi âm).

Mọi người chắc cũng biết rồi phải không? Hiện nay ở chỗ chúng tôi vẫn có những người gọi là "hạ âm", tức là có thể đi xuống cõi quỷ, giao tiếp với chúng

sinh trong u minh giới.

Khi ấy có một người hạ âm như vậy.

Lúc đó người ta hỏi vị hạ âm ấy.

Sau khi từ cõi âm trở về, ông nói:
“Khi tôi đi ngang qua một nơi nọ, tôi thấy có một người, trông rất giống Đường đại lão gia nhà các vị. Nhưng lạ là ông ấy lại mặc áo người xuất gia, đội mũ của người xuất gia. Chỉ có điều, ông ấy đứng một mình mà khóc, khóc rất bi thương.”

Người chủ trì nghi thức liền nói với người nhập đồng:
“Vậy anh hãy thử hỏi người ấy xem, vì sao ông ta lại khóc.”

Vậy thì anh hãy đi hỏi người đó vì sao ông ấy lại khóc?”

Đường đại lão gia bèn nói:
“Nửa đời của tôi, đối với vợ mình thật ra chẳng có ân nghĩa gì đặc biệt, nói cho công bằng thì tôi đối xử với bà ấy không tốt, tình cảm vợ chồng cũng chỉ bình thường, chẳng có gì đáng kể. Ai ngờ đâu, sau khi tôi chết, bà ấy lại vì tôi mà làm những việc trợ giúp lớn lao như vậy, giúp tôi được lợi ích lớn như thế, tôi thật sự vô cùng hổ thẹn, vì lúc còn sống tôi đã không đối xử tốt với bà ấy.

Tôi hoàn toàn không ngờ bà ấy lại dành cho tôi ân đức như thế.
Giá như biết trước, thì tôi đã đối xử với bà ấy tốt hơn một chút rồi.”

Ông ta còn ví dụ:
“Cũng giống như bây giờ, nếu chồng của bà đang ở ngoài làm chuyện không đứng đắn,
đến khi chết rồi, bà lại có rất nhiều cách để giúp ông ấy, lúc ấy ông ấy cảm động mà khóc,
sẽ nói rằng:
''Sớm biết như hôm nay, hà tất phải ngày trước làm vậy?
Hà tất phải đi tìm người khác? Lẽ ra nên đối xử tốt với vợ mình hơn.’

Ông nói tiếp:
"Cho nên, tôi rất cảm kích bà ấy, vì thế mà cảm động đến rơi nước mắt".

Tôi nhờ người hạ âm (nhập xác)này chuyển lời:
''Xin hãy nói với vợ tôi, nhất định giúp tôi mang một lời nhắn:
Trong các pháp tu hành, chỉ chuyên nhất cầu sinh về Tây phương là chân thật không sai,
đừng tu lẫn pháp khác.”

Vì lúc ấy, vợ ông cũng đang theo tín ngưỡng Dao Trì, nên ông dặn thêm:
“Vì bà ấy đã có ân đức lớn đối với tôi như vậy, tôi cũng muốn báo đáp bà ấy. Xin hãy nhắn với bà ấy rằng:

Nhất định phải niệm Phật cầu sinh Tây phương, điều này tuyệt đối chân thật, không hư dối.”

Bởi vì ông ta nhờ đất cát được gia trì một trăm lẻ tám biến Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn của Phật Tỳ Lô Giá Na, mà đã được vãng sinh về Tây phương.

Cho nên ông mới nói:
“Khuyên từ Tịnh Độ, thì ra quả thật đúng là như vậy.”
(Lúc sinh tiền, ông hoàn toàn không học Phật.)

Vì thế, khi người vợ nghe xong, bà vô cùng hoan hỷ, về nhà liền bắt đầu trường trai niệm Phật.
Do đó, nếu có người phát tâm cứu độ người đã mất, thì nên y theo phương pháp này,
gia trì nhiều gạo giã nhỏ, để nhiều người cùng mang đi rải lên mộ phần, cũng như mộ tổ tiên,
khiến tất cả đều được sinh về Tây phương, đồng thành Chánh Giác.

...
Ông nói thêm:
“Bản thân tôi lúc ban đầu, cũng không có thầy truyền.
Còn tôi thì không có truyền thừa, chỉ là tự mình xem kinh rồi tự học.

Ở huyện Nam Đầu, tỉnh Tứ Xuyên có Cư sĩ Lưu Tịnh Mật, trong nhà ông có một cô làm thuê họ Nhiếp; đời trước cô này sinh sống bằng nghề đồ tể, đã giết 96 con trâu. Những con trâu này sau khi chết đều biến thành quỉ và theo cô để báo thù.

Cô Nhiếp cũng là người Tứ Xuyên, từ khi xuất giá trở về sau, thường bị quỉ phá hoại, mỗi năm phát bệnh đến mấy lần, mỗi lần phát bệnh như vậy cô phải chịu thống khổ không thể nào tả xiết.

Tháng 2, một năm nọ, cô Nhiếp đến nhà Cư sĩ Lưu Tịnh Mật xin làm thuê. Một hôm, bổng nhiên cô phát bệnh nặng, toàn thân bị mụt đỏ giống như ban đỏ

vậy, đã đau đớn lại vô cùng ngứa ngáy khó chịu. Vì chịu không nổi cô định nhảy sông tự tử, nhưng mọi người phát hiện và ngăn cản, Cô luôn cào xuống đất và tru giống như chó điên, lại còn hát bài ca giết trâu, mà hát có vần có điệu, nội dung bài hát nói về những nỗi khổ của con trâu sắp chết. Cô đi khắp nơi và hát ầm ĩ không ngừng.

Cư sĩ Lưu Tịnh Mật đến thăm cô. Vừa nhìn thấy cư sĩ Lưu, cô nói:

– Lão gia! Tôi không phải là cô Nhiếp, chúng tôi là hồn trâu. Đời trước cô Nhiếp ở huyện Vạn đã giết chúng tôi, tất cả có 96 sinh mạng bị giết, hôm nay chúng tôi đến đây để đòi mạng, xin ông đừng có can dự vào việc của chúng tôi.

Cư sĩ Lưu Tịnh Mật nhìn thẳng vào cô Nhiếp nói với hồn của 96 con trâu:

– Các ngươi thật hồ đồ, không chịu truy cứu nguyên nhân vì sao đời trước cô Nhiếp lại giết các ngươi. Do các ngươi đã từng sát hại cô ta, nên mới đầu thai lên làm trâu cho cô giết hại, bằng không tại sao cô ta chỉ giết có 96 mạng mà không giết nhiều hơn, cũng không giết ít hơn? Tất cả mọi việc đều có nguyên nhân cả. hôm nay các ngươi không nhớ mình đã từng giết cô ta, mà chỉ nhớ cô ta giết các ngươi, cho nên mới trở lại làm quỉ để báo thù; cứ oan oan tương báo như vậy đến bao giờ mới chấm dứt? Cuối cùng cũng chỉ xoay đi lộn lại trong luân hồi để trả nợ lẫn nhau. Các ngươi nghĩ xem, hôm nay các ngươi giết cô ta, rồi tương lai cô ta sẽ giết lại các ngươi, vậy thì sẽ như thế nào?

Hồn của 96 con trâu nói:

– Ông nói rất có lí, đích thật chúng tôi quá hồ đồ. Nhưng máu trên cổ chúng tôi vẫn chưa khô, sự đau đớn vẫn chưa nguôi, do bị thống khổ hoành hành, cho nên chúng tôi mới có ý niệm báo thù.

Cư sĩ Lưu Tịnh Mật liền nói:

– Chuyện này giải quyết không khó.

Nói xong, ông liền sai người hầu lấy nửa ly nước, rồi niệm ba biến cam lộ chân ngôn, sau đó mời những oan hồn đó uống. Tất cả oan hồn này đới trước là trâu, khi thành quỉ thì chúng có khả năng đi như người, nhưng đầu vẫn là đầu trâu, hai chân trước biến thành tay, nhưng cong queo như hai chi trước của khủng long, nên không cầm được ly để uống.

Chúng liền nói:

– Chúng tôi không có tay làm sao cầm ly được?

Cư sĩ Lưu liền sai người hầu bưng ly nước để sát vào miệng cô Nhiếp, nhờ vậy chúng mới uống được. Không ngờ vừa uống xong, tất cả bọn chúng liền vui mừng nói: “Nước này thật kỳ diệu! Chúng tôi vô cùng khỏe khoắn. Cổ chúng tôi lành hẳn rồi. Tất cả móng đều rụng, sừng cũng mất”. Nói xong, bọn chúng nhảy nhót vui mừng.

Cư sĩ Lưu lại xưng tán cảnh giới Tây phương Cực lạc và dạy bọn chúng niệm Phật. Xưng tán xong, Cư sĩ hỏi bọn chúng:

– Nếu được vãng sanh về thế giới Cực lạc, vĩnh viễn không còn chịu luân hồi thống khổ, vậy các ngươi có muốn về đó không?

Những oan hồn trâu liền đáp:

– Thế giới Cực lạc thật sự tốt đẹp như ông nói, lý gì chúng tôi lại không muốn về? Nhưng nghiệp chúng tôi quá nặng sợ không về được.

– Nếu các ngươi phát nguyện niệm Phật, một lòng cầu xin về Cực lạc, tôi sẽ thỉnh đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn các người, đồng ý không?

– Tốt quá! Tốt quá!

Nhưng chúng tôi đã bị đói rất lâu rồi, xin ông hoan hỉ cho chúng tôi một ít thức ăn.

Cư sĩ Lưu gật đầu đồng ý. Ông lấy một ly nước, cơm và niệm bảy biến biến thực chân ngôn, rồi đổ vào bụi trúc.

Lát sau, các oan hồn đó nói:

“Chúng tôi đã được ăn rất no, cảm ơn ông! Cảm ơn ông!”.

Cư sĩ Lưu Tịnh Mật đứng trong cửa sổ, lấy ba cây hương xoay về hướng Tây, phụng thỉnh đức Phật A Di Đà, lại niệm chú Vãng Sanh, chú Đại Bi, Tâm Kinh Bát Nhã và niệm thánh hiệu Bồ Tát, thỉnh các ngài đến tiếp dẫn tất cả các hồn trâu này vãng sanh Cực lạc. Bỗng nhiên có một con trâu trong số chúng nói lớn:

– Mau lên các bạn! Lão gia vừa thỉnh, đức Phật A Di Đà liền đến, Ngài đang đứng ngoài cửa sổ chờ chúng ta. Các bạn xem Đức Phật rất trang nghiêm, toàn thân màu vàng óng, đẹp quá, đẹp quá. Chúng ta mau theo đức Phật A Di Đà về Cực lạc.

Lúc đó, vợ của cư sĩ Lưu đang đứng ở bên cạnh hỏi ông:

– Ông có thấy cảnh giới Tây phương Cực lạc không? Nó như thế nào?

Cư sĩ Lưu đáp: – Tôi đã thấy. Cảnh giới Tây phương Cực lạc trang nghiêm, đẹp đẽ hơn trong kinh diễn tả rất nhiều.

Trước khi, những oan hồn đó vãng sanh Cực lạc, chúng chắp tay cảm tạ Cư sĩ Lưu, chúng nói:

– Chúng tôi vô cùng cảm tạ ông đã giúp đỡ, làm cho oán thù nhiều đời nhiều kiếp của chúng tôi liền được tiêu hết. Nhiều năm nay chúng tôi luôn theo cô Nhiếp để hại cô ta, làm cô ta luôn chịu thống khổ. Chúng tôi thật ngu muội, cứ tưởng làm như vậy sẽ trả được thù, sẽ hả giận, ai dè làm như vậy chính chúng tôi cũng bị thống khổ. Hôm nay, nương vào oai lực của chư Phật, chư Bồ Tát được vãng sanh Cực lạc. Hi vọng ông có thể từ bi cũng khuyên cô Nhiếp niệm Phật, tương lai cùng vãng sanh Tây phương Cực lạc.

Chờ đến lúc lão gia cùng phu nhân vãng sanh, chúng tôi sẽ theo đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn các vị. Nói xong liền đi ngay.

Trải qua một giờ đồng hồ sau, cô Nhiếp tỉnh dậy.

Cư sĩ Lưu hỏi cô, cô đáp:

– Vừa rồi trong lúc ngủ con gặp giấc mộng, thấy bầy trâu rất hung dữ chạy xồng xộc về phía con, trên đầu chúng đầy máu me, vô cùng đáng sợ. Trong lúc nguy cấp ấy, bỗng nghe tiếng của lão gia, cảnh vật trước mắt tức thì biến đổi, mặt đất bằng phẳng, cây cối tốt tươi, ai thấy cũng ưa thích; kế đó nghe những con trâu khen cơm thơm, thấy tất cả bọn chúng ăn rất ngon lành, thậm chí còn nhảy cẫng lên. Những gì xảy ra sau đó con không được rõ…

Sau việc này, cô Nhiếp không còn bị oan hồn quấy phá nữa, cô cũng bắt đầu phát nguyện ăn chay trường và niệm Phật.

Mùa xuân, hai năm sau, Cư sĩ Lưu Tịnh Mật phát tâm xuất gia tại Tây Khang, pháp hiệu Tuệ Định. Đây là chuyện thật ông đã ghi lại trước khi xuất gia.

Quyển Nhân Quả Báo Ứng, Những Điều Mắt Thấy Tai Nghe – Cư sĩ Tịnh Tùng

Du Tâm An Lạc Đạo của Tân La (Triều Tiên) Nguyên Hiển.
Cuối quyển.

Hỏi:
“Người thân nếu gặp được thiện duyên, được dự vào chín phẩm vãng sinh, thường thấy văn nghĩa kinh luận, không còn nghi ngờ gì.

Nhưng nếu có chúng sinh tạo nhiều điều ác, không biết tu thiện, đã rơi vào ba đường ác, thì có phương tiện nào để cứu vớt vong linh ấy, khiến trừ nghiệp chướng, sinh về cõi Cực Lạc chăng?”

Đáp:
“Tình phàm khó thông, nhưng Thánh giáo có phương thuật.
Vì vậy, trong quyển thứ 28 của kinh Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, phẩm ''Thành Tựu Quán Đảnh Chân Ngôn", có nói:

Bấy giờ, mười phương tất cả cõi Phật, ba đời tất cả Như Lai, Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai, đồng thời đều đưa tay phải vô úy, xoa đảnh Thanh Tịnh Liên Hoa Minh Vương, cùng tuyên nói Bất Không Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn rằng:
“Ôm A Mô Ga Vai Rô Cha Na, Ma Ha Mút Ra, Ma Ha Bát Ma Doa La Bờ Ra Va Ta Gia Hùm''

Nếu có chúng sinh, ở bất cứ nơi đâu, chỉ cần nghe được Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn này,
qua tai hai mươi mốt lần, liền diệt trừ hết thảy tội chướng.

Nếu các chúng sinh tạo đủ mười ác, năm nghịch, bốn tội trọng, số nhiều như vi trần, đầy khắp thế giới này; khi thân hoại mạng chung, đọa vào các đường ác, dùng chân ngôn này gia trì đất cát một trăm lẻ tám lần, tại rừng thi-đà, rải lên thi hài người chết, hoặc rải lên mộ phần, gặp đâu rải đó; thì người đã mất ấy, dù ở địa ngục, ngạ quỷ, A-tu-la, hay súc sinh, nhờ bản nguyện chân ngôn của hết thảy Như Lai Bất Không Tỳ Lô Giá Na, cùng oai lực gia trì của Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn trên đất cát, ngay lúc đó liền được ánh sáng và thân, diệt trừ mọi quả báo tội lỗi,
xả bỏ thân khổ, vãng sinh về cõi Tây Phương Cực Lạc, hóa sinh trong hoa sen,
cho đến chứng Bồ-đề, vĩnh viễn không còn đọa lạc nữa.”

Những văn kinh như thế, chỗ chỗ đều có.
Than ôi!

Tội nghiệp tự tạo, quả khổ theo sát; đau xót thay!
Tự mình chuốc lấy, tự mình chịu, không ai cứu hộ.

Nếu không phải là đại bi đồng thể, mật thuật cứu độ rộng lớn, thì ai có thể mở xa then khóa u minh, đưa lên đài hoa giác ngộ?

Dẫu rằng nghiệp tự làm thì tự chịu, nhưng vẫn có sức duyên khởi khó thể nghĩ bàn.
Do đó biết rằng: gặp được cát chú tức là có duyên, nếu không được cát chú, thì lấy gì luận đến kỳ giải thoát?

Chỉ vì đại bi không ngằn mé, lưỡi dài chân thật không xen tạp; không tu, không tin, đến sau hối hận cũng không kịp.

Vậy nên, người không tin, chỉ là uổng phụ thâm ân, ngày báo đáp càng lúc càng xa;
người thuận hành, liền đón hồn về hoa sen, hiếu đạo tức thì được lập.

May mắn gặp được chân ngôn, ra khỏi sinh tử không phải là việc khó; phàm bậc quân tử,
ai lại không phụng hành?

CÂU CHUYỆN CÓ THẬT SỬ KÝ ĐỈNH ĐẦU TRỒI LÊN MẶT ĐẤT,XẢY RA THỜI NHÀ TỐNG NGUYÊN CHIẾU.

Bài tán Linh cốt họ Lữ ở Tú Châu
CHI VIÊN TẬP CỦA TỐNG NGUYÊN CHIẾU - VẠN TỤC TẠNG QUYỂN 59 - SỐ 1105.
x59-n1105. (quyển Lạc Bang Văn Loại của Tống Tông Hiểu1969 a Đại Chánh Tạng cũng có ghi câu chuyện này đoạn 10 đạo thần chú)

(trích “Chi Viên Tập”, quyển hạ)

Tại Tú Châu, trấn Quảng Trần, huyện Hải Diêm, có chùa Phổ Chiếu. Sư Thích Trí Viên, sau khi mẹ mất, đem phần linh cốt còn lại an trí trong một khám nhỏ.

Hằng ngày, sư trì tụng chú Quán Đảnh Tỳ-lô, gia trì vào cát, hồi hướng cho mẹ được sinh về Tịnh độ, rồi rải cát ấy phủ lên trên xương cốt.

Lâu ngày, lớp phủ dày gần đến một thước.

Một hôm, xương đỉnh đầu bỗng trồi lên khỏi mặt đất.

Ban đầu, sư không lấy làm lạ, vẫn phủ lại như cũ.

Đến ngày hôm sau, hiện tượng ấy lại xảy ra y như trước, mọi người trông thấy đều kinh hãi.

Nhân lúc ấy, quan Võ Di Công Quyền đang trấn nhậm nơi đây, liền ghi chép sự việc để truyền rộng. Sau đó, Thanh Sơn An Nhẫn Tử lại làm bài tán rằng:

Bài tán thán:

Than ôi!
Hình hài còn sót lại kia, trơ trọi như vô tình,
Đã tích đất mà dư đến cả thước,
Sao lại từ dưới đất trồi lên trên?

Ấy là bản nguyện của Tỳ Lô,
Là năng lực thù thắng của pháp Quán đảnh,
Là công đức tích tụ của người mẹ hiền,
Là lòng chí thành trọn vẹn của người con hiếu.

Xét khắp các duyên mà chẳng biết từ đâu mà có,
Truy đến cùng lý thì lặng lẽ, không tên gọi,
Không thấy chủ tể, ai bày ra dấu hiệu này?
Không thầy, bậc thượng trí cũng chưa đủ để đo lường,
Biện tài như thác đổ cũng không thể bình phẩm.

Chính vì không thể lường, không thể bàn,
Cho nên mới gọi là linh vậy.

Luận về hiếu đạo trong Phật pháp
Đức Phật ta, khi vừa thành Chánh giác, liền lập giới đầu của Đại thừa, gọi là hiếu thuận – pháp tối thượng của đạo.

Rồi Ngài bảo các đệ tử rằng:
“Ta khi mới xuất gia đã thệ nguyện với cha mẹ: nếu chứng được Phật đạo, ắt sẽ độ trước.”

Khi trở về bổn quốc, vua cha đảnh lễ, Phật liền vọt thân lên hư không, cao đến bảy cây đa-la, như không dám nhận lễ ấy.

Sau đó, Ngài lên cõi Đao Lợi vì mẹ mà thuyết pháp suốt một mùa an cư. Nhờ vậy, cả cha lẫn mẹ đều chứng quả.

Khi vua cha băng hà, Phật đã liệm xong, cùng Nan-đà, A-nan, La-vân khiêng quan tài đưa đi an táng, rồi quay lại bảo chúng rằng:
“Ta lo sợ đời sau sẽ có kẻ hung bạo, không biết báo ân, nên nay mới làm như

thế.”

Lời răn dạy tha thiết ấy, có khắp trong kinh, luật, luận của Đại thừa và Tiểu thừa; người học đều biết, không cần nêu lại đầy đủ.

Thế nhưng, có kẻ hậu học không theo khuôn phép thầy tổ, buông thả rong chơi, bỏ cha mẹ mà đi xa, không nghĩ đến cha mẹ đứng tựa cửa trông ngóng, đưa tay ôm ngực, nuốt lệ vào lòng, uất kết mà sinh bệnh – việc ấy xảy ra không ít.

Huống chi: Biết cha mẹ bệnh mà không về thăm, nghe tin mất mà không chạy về chịu tang,
đến tang lễ mà không bày tỏ bi ai, đúng thời mà không tế tự, lại còn viện dẫn chuyện Động Sơn kéo chết mẹ, Huyền Sa không cứu cha, cho rằng bậc “phương ngoại đạt nhân” là không ở trong những điều ấy!

Than ôi!
Ngươi cho rằng Phật là phương ngoại hay phương nội?
Là đạt hay không đạt? Vì sao Ngài một mực phụng dưỡng cha mẹ, không trái lễ lúc sinh, việc tang khi chết?

Hai vị kia chỉ phô bày cái khác lạ nhất thời, không nghĩ đến hậu thế bắt chước bừa bãi, làm tổn hại nghiêm trọng đến danh giáo – chẳng phải lỗi nhỏ!
Biện minh: xuất gia không trái hiếu.

Rời cha mẹ, cắt ái ân, là để dẹp cái thấy thân–sơ, ta–người, dứt tình yêu ghét, chọn bỏ, rồi mới có thể bình đẳng quán Phật và chúng sinh, oán thân không ngoài, bốn loài sáu nẻo, ai chẳng là thân quyến?

Hết lòng phụng dưỡng, chăm sóc cha mẹ, chưa hề trái với đạo đạt.

Bởi vậy:
Mục Châu hầu mẹ, tự tay đan chiếu cỏ,
Đạo Kỷ báo ân, thường gánh mẹ trên vai.
Làm sao có thể bội ân, nghịch đức mà gọi là đạt?
Huống chi người tìm thầy học đạo,
tối lo sợ, sáng tinh cần, tiếc từng khoảnh khắc,
còn chưa khỏi lỗi lầm; huống nữa là buông thả rong chơi, ngủ nhiều ăn no –
thì dù chịu khổ địa ngục vô gián, cũng chưa đủ để báo ân!

Kết.

Ta từng đọc Ký về linh cốt họ Lữ, rất yêu mến chỗ nói rằng:
báo ân và cầu pháp, cùng tồn tại và cùng thực hành.

Qua đó thấy rằng quan Võ Di không chỉ hiểu điều sư Trí Viên giữ gìn,
mà còn thấu triệt sâu xa ý chỉ lời Phật răn dạy, đủ để cảnh tỉnh hàng hậu học như chúng ta.
Vì vậy, ta viết bài tán này ở cuối, để làm sáng tỏ ý ấy.

Chú thích: Linh Chi Nguyên Chiếu

(靈芝元照, Reishi Genshō, 1048-1116): vị tăng của Luật Tông Trung Quốc, sống dưới thời nhà Tống, người vùng Dư Hàng (餘杭, Huyện Hàng, Triết Giang), họ Đường (唐), tự là Trạm Nhiên (湛然), hiệu An Nhẫn Tử (安忍子). Lúc còn thiếu niên ông đã xa lánh thế tục, đến năm 18 tuổi thì xuất gia, theo Thần Ngộ Xử Khiêm (神悟處謙) học giáo lý Thiên Thai, nhưng chí ông lại thích về Luật. Về sau, ông thọ Bồ Tát giới với Quảng Từ (廣慈). Trong khoảng thời gian niên hiệu Nguyên Phong (元豐, 1078-1085), ông làm trú trì Chiêu Khánh Tự (昭慶寺), chuyên tâm truyền bá Luật tông và truyền giới. Đến cuối đời, ông chuyển về vùng Linh Chi (靈芝), dừng chân tại đây trong vòng 30 năm, cho nên người đời thường gọi ông là Linh Chi Tôn Giả (靈芝尊者). Vào tháng 9 năm thứ 6 (1116) niên hiệu Chính Hòa (政和), ông thị tịch, được ban thụy hiệu Đại Trí Luật Sư (大智律師). Trước tác của ông có sách chú thích của các kinh Vô Lượng Thọ và A Di Đà cũng như một số tác phẩm khác.

Phụ chú Cầu siêu đọc 7 biến gọi tên người đã chết.

* Nhất Thiết Như Lai Tâm Bí Mật Toàn Thân Xá Lợi Bảo Khiếp Ấn Đà La Ni:

NAMAḤ STRYI-DHVIKĀNĀṂ_ SARVA TATHĀGATĀNĀṂ

NA MẮC SỜ TRI DA VI CA NĂM, SẠT VA TA THA GA TA NĂM

OṂ_ BHU VI-BHA VA NA VA RI _ VA CĀ RI VĀ CA ṬAI _ SU RU SU RU _

ÔM BU VI BA VA NA VA RI, VA CHA RI VA CHA THAI, SU RU SU RU

DHĀ RA DHĀ RA , SAR VA TA THĀ GA TA-DHĀ TU DHĀ RI _ PAD MAṂ-BHA VA TI _JA YA VARI MUDRI SMARA

ĐA RA ĐA RA SẠT VA TA THA GA TA ĐA TU ĐA RI, BÁT MÂM BA VA TI, DƠ GIA VA RI MÚT RI SỜ MA RA

TA THĀ GA TA-DHAR MA-CAK RA PRA VAR TTA NA VAJ RI _ BO DHI MAṆ ḌA LA A LUṂ KA RA **A LUṂ KṚTE**

TA THA GA TA ĐA MA CHẮC RA, BỜ RA VA TA NA VAI DƠ RI, BÔ ĐI MAN ĐA LA A LUM CA RA A LUM RÍT TÊ

SARVA TATHĀGATA-ADHIṢṬITE _ BODHAYA BODHAYA_ BODHI

SẠT VA TA THA GA TA A ĐÍT THI TÊ BÔ ĐA DA BÔ ĐA DA BÔ ĐI

BODHI _ BUDDHYA BUDDHYA _ SAṂBODHANI SAṂ BO DHA YA CA LA CA LA CA LAṂ TU SAR VA A VA RA ṆA NI SAR VA PĀ PA

BÔ ĐI BÚT ĐI DA BÚT ĐI DA, SAM BÔ ĐA NI SAM BÔ DA DA, CHA LA CHA LA CHA LÂM TU SẠT VA A VA RA NA NI SẠT VA BA BA

VI GA TE _ HU RU HU RU _ SAR VA ŚO KA VI GA TE SAR VA TA THĀ GA TA-HṚDAYA VAJ RA ṆI SAṂ BHA RA SAṂ BHA RA

VI GA TÊ HU RU HU RU, SẠT VA SÔ CA VI GA TÊ, SẠT VA TA THA GA TA SHI ĐA DA, VAI DƠ RA NI SAM BA RA SAM BA RA

SARVA TATHĀGATA-GUHYA-DHĀRAṆĪ-MUDRI _ BUDDHE SUBUDDHE

SẠT VA TA THA GA TA GU HI DA ĐA RA NI MÚT RI BÚT ĐÊ SU BÚT ĐÊ

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬITA DHĀTU-GARBHA SVĀHĀ

SẠT VA TA THA GA TA A ĐÍT THI TA ĐA TU GA BA XÓA HA

SAMAYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ

SA MA DA A ĐÍT THI TÊ XÓA HA

SARVA TATHĀGATA-HṚDAYA DHĀTU-MUDRI SVĀHĀ

SẠT VA TA THA GA TA SHI ĐA DA ĐA TU MÚT RI XÓA HA

SUPRATIṢṬITA-STŪPE TATHĀGATA ADHISTITE _ HURU HURU _

HŪṂ HŪṂ _ SVĀHĀ

SU BỜ RA TÍT THI TA SỜ TU BÊ TA THA GA TA A ĐÍT THI TÊ HU RU HU RU HÙM HÙM XÓA HA.

_ Bảo Khiếp Tâm Chân Ngôn:

OṂ _ SARVA TATHĀGATA-UṢṆĪṢA DHĀRAṆĪ-MUD RĀ ṆI

SAR VA TA THĀ GA TAṂ_SA DHĀ TU VI BHŪ ṢI TA A DHIṢ ṬI TE _ HŪṂ HŪṂ _ SVĀHĀ

ÔM SẠT VA TA THA GA TA ÚT NI SA ĐA RA NI MÚT RA NI,

SẠT VA TA THA GA TA, SA ĐA TU VI BU SI TA A ĐÍT THI TÊ HÙM HÙM XÓA HA.